

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình  
Kè bảo vệ thôn Vân Tường xã Triệu Trạch**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;  
Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 122/TTr-SNN ngày 14/5/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Kè bảo vệ thôn Vân Tường xã Triệu Trạch với các nội dung chính như sau:

- 1. Tên công trình:** Kè bảo vệ thôn Vân Tường xã Triệu Trạch
- 2. Chủ đầu tư:** Chi cục Thủy lợi Quảng Trị
- 3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Xây dựng tuyến kè bảo vệ thôn Vân Tường để chống sạt lở bờ sông Vĩnh Định đoạn chảy qua thôn Vân Tường, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong; bảo vệ dân cư, đất sản xuất, đặc biệt là 80ha lúa dọc theo bờ sông và tuyến đường giao thông nông thôn nội vùng; góp phần ổn định dân cư và phát triển sản xuất cho nhân dân trên địa bàn.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:**

Gia cố chân kè bờ hữu sông Vĩnh Định đoạn qua thôn Vân Tường, xã Triệu Trạch với tổng chiều dài  $L=88,77m$ . Kết cấu kè bằng lăng thể đá đổ hộ chân đường kính  $D \geq 25cm$ , mái ngoài lăng thể  $m=1,5$ ; Cao trình đỉnh kè  $+0,5m$ , chiều rộng đỉnh kè  $B=1,5m$ , xếp đá hộc lát khan dày 30cm.

- 5. Tổ chức lập BCKTKT:** Công ty cổ phần Việt Tín
- 6. Chủ nhiệm công trình:** Kỹ sư Lê Xuân Đại
- 7. Địa điểm xây dựng:** xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
- 8. Diện tích sử dụng đất:** Công trình xây dựng trên tuyến cũ hiện có, phạm vi bị ảnh hưởng do địa phương tự giải phóng mặt bằng

**9. Loại, cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình thủy lợi, cấp IV

**10. Tổng dự toán: 500.000.000 đồng** (Năm trăm triệu đồng)

Trong đó:

- Xây phí xây dựng : 423.000.000 đồng
- Chi phí QLDA : 11.952.000 đồng
- Chi phí tư vấn : 42.463.000 đồng
- Chi phí khác : 22.585.000 đồng

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Sự nghiệp kinh tế đề điều, thủy lợi năm 2018

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

**13. Thời gian thực hiện :** Năm 2018

**14. Đơn vị quản lý, sử dụng:** Giao UBND xã Triệu Trạch chịu trách nhiệm quản lý, khai thác và sử dụng

**Điều 2.** Chủ đầu tư thực hiện công khai hóa thông tin đầy đủ theo quy định để phục vụ công tác giám sát đầu tư của cộng đồng và có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

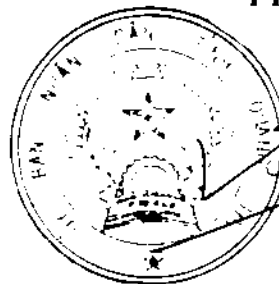
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Chủ tịch UBND huyện Triệu Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

**Phụ lục**  
**TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Công trình: Kè bảo vệ thôn Vân Tường xã Triệu Trạch**

**Địa điểm: Xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị**

*(Kèm theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Hạng mục chi phí	hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	G <sub>XD</sub>	Bảng tính	384.545.000	38.455.000	423.000.000
II	Chi phí quản lý dự án (QĐ79/2017/QĐ-BXD)	G <sub>QLDA</sub>	G <sub>XD</sub> x 3,108%	11.952.000		11.952.000
III	Chi phí tư vấn	G <sub>TV</sub>	G <sub>TV1</sub> + G <sub>TV2</sub>	39.511.000	2.952.000	42.463.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo KTKT xây dựng công trình	G <sub>TV1</sub>		29.521.000	2.952.000	32.473.000
	- Chi phí khảo sát		Bảng tính	5.679.000	568.000	6.247.000
	- Chi phí lập báo cáo KTKT		G <sub>XD</sub> x 6,200%	23.842.000	2.384.000	26.226.000
2	Chi phí giám sát thi công xây dựng (QĐ79/2017/QĐ-BXD)	G <sub>TV2</sub>	G <sub>XD</sub> x 2,598%	9.990.000	0	9.990.000
IV	Chi phí khác	G <sub>K</sub>	G <sub>K1</sub> + ... + G <sub>K4</sub>	21.047.000	1.538.000	22.585.000
1	Chi phí hạng mục chung (TT06/2016/TT-BXD)	G <sub>K1</sub>	G <sub>N1</sub> - G <sub>KKL</sub>	15.382.000	1.538.000	16.920.000
1.1	Chi phí nhà tạm	G <sub>N1</sub>	G <sub>XD</sub> x 2,00%	7.691.000	769.000	8.460.000
1.2	Chi phí một số công việc thuộc hạng mục chung nhưng không xác định được khối lượng từ thiết kế	G <sub>KKL</sub>	G <sub>XD</sub> x 2,00%	7.691.000	769.000	8.460.000
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC (TT210/2016/TT-BTC)	G <sub>K2</sub>	G <sub>XD</sub> x 0,121%	465.000		465.000
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng (TT210/2016/TT-BTC)	G <sub>K3</sub>	G <sub>XD</sub> x 0,117%	450.000		450.000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán (TT09/2016/TT-BTC)	G <sub>K4</sub>	500.000.000 x 0,950%	4.750.000		4.750.000
VI	Dự toán xây dựng công trình	G <sub>TĐT</sub>				500.000.000